

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN HOÁ HỌC 8
TUẦN 5

Câu 1: Trong oxit, kim loại có hóa trị III và chiếm 70% về khối lượng là

- A. C_2O_3 . B. Al_2O_3 . C. As_2O_3 . D. Fe_2O_3 .

Câu 2: Một oxit trong đó cứ 12 phần khối lượng lưu huỳnh thì có 18 phần khối lượng oxi. Công thức hóa học của oxit đó là

- A. SO_2 . B. SO_3 . C. S_2O . D. S_2O_3 .

Câu 3: Một loại oxit sắt trong đó cứ 14 phần sắt thì có 6 phần oxi (về khối lượng). Công thức của oxit sắt đó là

- A. FeO . B. Fe_2O_3 . C. Fe_3O_4 . D. Không xác định.

Câu 4: Số nguyên tử có trong 2,8 gam sắt (Fe) là

- A. $3 \cdot 10^{23}$. B. $3 \cdot 10^{22}$. C. $6 \cdot 10^{23}$. D. $6 \cdot 10^{22}$.

Câu 5: Khối lượng oxi cần dùng để đốt cháy vừa đủ hỗn hợp gồm 6 gam than (cacbon) và 8 gam lưu huỳnh là

- A. 20 gam. B. 24 gam. C. 26 gam. D. 30 gam.

Câu 6: Muốn điều chế được 2,8 lít (đktc) khí O_2 thì khối lượng $KMnO_4$ cần nhiệt phân là

- A. 39,5 gam. B. 40,5 gam. C. 41,5 gam. D. 42,5 gam.

Câu 7: Để có oxi tác dụng đủ với 7,2 gam cacbon thì khối lượng $KClO_3$ cần nhiệt phân là

- A. 49 gam. B. 48 gam. C. 47 gam. D. 46 gam.

Câu 8: Cho các hợp chất của sắt: FeO , Fe_2O_3 , Fe_3O_4 , $FeSO_4$. Hợp chất có hàm lượng % Fe cao nhất là

- A. FeO . B. Fe_2O_3 . C. Fe_3O_4 . D. $FeSO_4$.

Câu 9: Khi đốt cháy sắt trong oxi ở nhiệt độ cao, thu được oxit sắt từ (Fe_3O_4). Để điều chế 4,64 gam oxit sắt từ thì khối lượng oxi đem dùng là bao nhiêu?

- A. 1,28 gam. B. 3,24 gam. C. 4,56 gam. D. 2,25 gam.

Câu 10: Khi đốt cháy sắt trong oxi ở nhiệt độ cao được oxit sắt từ Fe_3O_4 . Số gam kali pemanganat $KMnO_4$ cần dùng để điều chế lượng khí oxi cần dùng cho phản ứng trên là

- A. 6,32 gam. B. 18,96 gam. C. 10,48 gam. D. 12,64 gam.

Câu 11: Số mol của các chất: 28 gam Fe (sắt), 64 gam Cu (đồng), 54 gam Al (nhôm) lần lượt là

- A. 0,5 mol; 1,0 mol; 1,5 mol. B. 0,5 mol; 1,5 mol; 2,0 mol.
C. 0,5 mol; 1,0 mol; 2,0 mol. D. 1,0 mol; 1,5 mol; 2,0 mol.

Câu 12: Khi đốt cháy sắt trong oxi ở nhiệt độ cao được oxit sắt từ Fe_3O_4 . Số gam sắt và khí oxi cần dùng để điều chế 4,64 gam oxit sắt từ lần lượt là

- A. 1,68g và 0,64g. B. 5,04g và 1,92g.
C. 3,36g và 1,28g. D. 1,90g và 1,28g.

Câu 13: Trong phòng thí nghiệm cần điều chế 4,48 lít O₂ (đktc). Dùng chất nào sau đây để có khối lượng nhỏ nhất?

- A. KClO₃. B. KMnO₄. C. KNO₃. D. H₂O (điện phân).

Câu 14: Công thức hóa học của hợp chất gồm hai nguyên tố với thành phần % nguyên tố Na là 39,32%, còn lại là thành phần % của Cl. Biết khối lượng mol của hợp chất là 58,5gam. Công thức hóa học của hợp chất là

- A. NaCl₂. B. NaCl₃. C. NaCl. D. Na₂Cl.

Câu 15: Đốt cháy hoàn toàn 6g một mẫu cacbon không tinh khiết, thu được 8,4 lít khí CO₂ (đktc). Độ tinh khiết của mẫu cacbon trên là

- A. 74%. B. 75%. C. 76%. D. 77%.

Câu 16: Thành phần phần trăm về khối lượng của lưu huỳnh và oxi trong các hợp chất SO₂ và SO₃ lần lượt là

- A. 50%, 50% và 30%, 70%. B. 50%, 50% và 70%, 30%.
C. 50%, 50% và 40%, 60%. D. 50%, 50% và 60%, 40%.

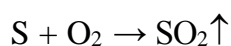
Câu 17: Đốt cháy X gam photpho trong bình chứa 6,72 lít khí O₂ (đktc) để tạo ra 14,2g P₂O₅. Giá trị của X là

- A. 6,1. B. 6,2. C. 6,3. D. 6,4.

Câu 18: Nếu đốt cháy hoàn toàn 2,40 gam cacbon trong 4,80 gam oxi thì thu được tối đa bao nhiêu gam khí CO₂?

- A. 6,6. B. 6,5. C. 6,4. D. 6,3.

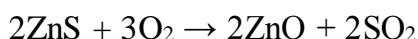
Câu 19: Lưu huỳnh cháy trong không khí theo phương trình:



Biết oxi chiếm 1/5 thể tích không khí. Thể tích không khí cần thiết (ở đktc) để đốt cháy hoàn toàn 3,2g lưu huỳnh là

- A. 13,44 lít. B. 22,4 lít. C. 5,6 lít. D. 11,2 lít.

Câu 20: Quặng sunfua kẽm ZnS cháy theo phương trình hóa học sau:



Nếu đốt 9,7g ZnS trong bình chứa 4,48 lít (đktc) khí O₂. Thể tích khí SO₂ (đktc) thu được là

- A. 1,12 lít. B. 2,24 lít. C. 3,36 lít. D. 6,72 lít.

Câu 21: Cho 2,24 lít khí hidro tác dụng với 1,68 lít oxi. Tính khối lượng nước thu được, biết các thể tích đo ở đktc.

- A. 1,35 gam. B. 0,9 gam. C. 2,7 gam. D. 0,675 gam.

Câu 22: Đốt cháy 2,4 gam Mg với 8g oxi. Tính khối lượng oxit thu được.

- A. 8 gam. B. 20 gam. C. 10 gam. D. 4 gam.

Câu 23: Đốt cháy 6,2 gam P trong bình chứa 6,72 lít khí O₂ (đktc) thu được điphotpho pentaoxit. Tính khối lượng điphotpho pentaoxit sau phản ứng.

- A. 34,08 gam. B. 14,2 gam. C. 17,04 gam. D. 28,4 gam.

Câu 24: Nếu đốt cháy hoàn toàn 2,4 gam cacbon trong 4,8 gam oxi thì thu được tối đa bao nhiêu gam khí cacbonic?

- A. 6,6. B. 4,4. C. 5,5. D. 7,7.

Câu 25: Đốt cháy 19,6 gam sắt trong bình chứa 1,12 lít khí oxi (đktc). Tính khối lượng oxit sắt từ tạo thành.

A. 4,06 gam.

B. 8,12 gam.

C. 5,8 gam.

D. 11,6 gam.

**Biết NTK của: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31;
S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; As = 75**

-----Hết-----